

Số: 49 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2023

### KẾT LUẬN THANH TRA

#### Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex

Thực hiện Quyết định số 46/QĐ-TTr ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, ngày 13/3/2023, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

#### I. Những vấn đề chung

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700877200 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 13/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21/7/2014.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; sản xuất bê tông, cấu kiện bê tông, vật liệu xây dựng.
- Điện thoại giao dịch: 0274 3565299 Fax:0274 3565355.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: G-1A-CN, đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Tài khoản giao dịch số 6501.0000.682497 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.
- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.
- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 71 người.

#### II. Kết quả kiểm tra, xác minh

##### 1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.



## 2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy trình tuyển dụng lao động. Khi có kế hoạch tuyển dụng lao động, doanh nghiệp đăng thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Doanh nghiệp tuyển dụng bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp. Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp tuyển mới 05 lao động.

- Việc thu phí tuyển dụng người lao động: không.

- Doanh nghiệp chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề cho người lao động.

- Doanh nghiệp cập nhật thông tin theo dõi, quản lý người lao động bằng sổ quản lý người lao động bản điện tử.

## 3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm hiện tại)

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 01 người

- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 70 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 70 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 60 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (từ đủ 03 tháng đến 36 tháng): 10 người;

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Hợp đồng lao động giao kết với người lao động làm việc tại phân xưởng sản xuất ghi chưa ghi cụ thể; mục công việc phải làm ghi "theo sự điều hành và phân công của ban quản đốc phân xưởng sản xuất", mục chế độ nghỉ phép ghi "theo luật lao động của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"; mục bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp "theo quy định của Công ty".

- Số lao động bị mất việc làm từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 0 người.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm thanh tra: 09 người, không có lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

## 4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ 01 lần/năm lồng ghép với hội nghị người lao động hằng năm.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng.

- Đã thực hiện theo nội dung TULĐTT.

- Đã gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp.

### **5. Tiền lương và trả công lao động**

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.729.000 đồng/ tháng.

- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân: mức thu nhập thấp nhất: 6.000.000 đồng/người/tháng; mức thu nhập cao nhất: 29.000.000 đồng/người/tháng; mức thu nhập bình quân: 11.200.000 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp trả lương qua tài khoản. Phí mở tài khoản và chuyển tiền lương nếu có do doanh nghiệp chi trả.

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động, quy chế trả lương.

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ cho người lao động.

- Đã trả đủ tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động.

- Tiền lương làm thêm giờ vào ban đêm: không phát sinh.

- Đã chi trả tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Doanh nghiệp hỗ trợ ăn ca cho người lao động với mức 680.000 đồng/người/tháng.

### **6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi**

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: 8 giờ/ngày, 48 giờ/ tuần.

- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi:

+ Nghỉ trong giờ làm việc 01 giờ đối với người lao động làm khối văn phòng, hành chính;

+ Nghỉ giữa ca 45 phút đối với người lao động làm việc theo ca.

- Số giờ làm thêm hằng ngày, hằng tuần và hằng năm: không vượt quá 04 giờ/ngày làm việc bình thường, không quá 8 giờ/ngày nghỉ hằng tuần, nghỉ lễ; không vượt quá 40 giờ/ tháng; không vượt quá 200 giờ/ năm.

- Đã thực hiện ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường làm đủ 12 tháng được nghỉ 12 ngày và cứ đủ 5 năm làm việc người lao động được nghỉ thêm 01 ngày.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm làm đủ 12 tháng được nghỉ 14 ngày và cứ đủ 5 năm làm việc người lao động được nghỉ thêm 01 ngày.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc độc hại nguy hiểm làm đủ 12 tháng được nghỉ 16 ngày và cứ đủ 5 năm làm việc người lao động được nghỉ thêm 01 ngày.

+ Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật.

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: nghỉ giải lao 15 phút đối với người lao động thuộc khối văn phòng hành chính.

### **7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động: chưa quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động. Nội quy lao động chưa quy định trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

### **8. Lao động đặc thù**

#### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Số lao động nữ: 11 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ làm việc tại doanh nghiệp.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Doanh nghiệp chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

#### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên**

Không sử dụng lao động chưa thành niên.

#### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

Không sử dụng lao động là người nước ngoài.

#### **8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi**

Không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

### **9. Khiếu nại, tranh chấp lao động**

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tranh chấp, khiếu nại về lao động, không xảy ra đình công.

### **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 26 người.

- Số lao động làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 07 người.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: đã thống kê 09 người nhưng chưa đầy đủ (chưa thống kê số lao động trực tiếp sản xuất xi măng).

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Doanh nghiệp không thành lập hội đồng an toàn, vệ sinh lao động do không thuộc trường hợp phải thành lập.

- Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Số lượng người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: bố trí 02 cán bộ bán chuyên trách làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Số lượng người làm công tác y tế: doanh nghiệp bố trí 01 người trình độ trung cấp làm cán bộ y tế.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 14 thiết bị (05 pa lăng xích kéo tay, 05 bình chứa khí nén, 04 cần trục bánh xích), đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn thời hạn kiểm định.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động định kỳ cho toàn bộ người lao động tại doanh nghiệp. Số người sử dụng lao động, người lao động đã được cấp giấy chứng nhận huấn luyện (11 người), thẻ an toàn lao động (09 người), tuy nhiên thẻ an toàn lao động của người lao động nhóm 3 chưa có chữ ký và đóng dấu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phân nhóm huấn luyện an toàn lao động chưa đúng (29 người trực tiếp sản xuất xi măng là lao động thuộc nhóm 3 nhưng huấn luyện nhóm 4).

- Việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động: doanh nghiệp đã cấp phát cho người lao động theo quy định.

- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại bằng đường, sữa, đậu. Tuy nhiên, doanh nghiệp cấp phát chưa đúng quy định, cụ thể: doanh nghiệp cấp, phát cho người lao động 01 lần/tháng.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.

- Đã quan trắc môi trường lao động hằng năm.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho người lao động năm; đã khám sức khỏe chuyên khoa cho lao động nữ; khám ít nhất 06 tháng/lần với lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

- Đã tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong môi trường tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp.

- Chưa lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động.

### **11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN)**

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 71 người.

- Số người đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 71 người (trong đó có 02 người báo tăng trong tháng 3/2023). Số người chưa tham gia: 0 người.

- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương theo hợp đồng lao động, các phụ cấp trách nhiệm, độc hại, khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể trong hợp đồng lao động.

- Số tiền phải nộp cho cơ quan BHXH hàng tháng: 228.427.685 đồng (tháng 02/2023).

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 02/2023.

## **III. Kết luận**

### **1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện**

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động; công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Thực hiện tuyển dụng trực tiếp; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.3. Đã giao kết hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.4. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; ký kết và gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.5. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động; mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định; trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động; trả lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc; hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 680.000 đồng/người/tháng.

1.6. Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần không vượt quá thời gian quy định; tổ chức làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm.

1.7. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương và ngày nghỉ hằng năm theo quy định.

1.8. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động.

1.9. Đã thực hiện các quy định đối với lao động nữ: giảm thời giờ làm việc đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh; bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm, buồng vệ sinh và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi sinh.

1.10. Đã thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động: thống kê lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại nguy hiểm; xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc; trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

1.12. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 100% người lao động thuộc đối tượng tham gia; tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là tiền lương theo hợp đồng lao động, các phụ cấp trách nhiệm, độc hại, khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể trong hợp đồng lao động; đã đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 02/2023.

## **2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Chưa xây dựng kế hoạch hằng năm về đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.2. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động làm việc tại phân xưởng sản xuất có nội dung ghi chưa cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: mục công việc phải làm ghi “theo sự điều hành và phân công của ban quản đốc phân xưởng sản xuất”, mục chế độ nghỉ phép ghi “theo luật lao động của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”; mục bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp “theo quy định của Công ty” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động và Chương II Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động và không có biên bản cuộc họp thương lượng là chưa đúng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa quy định người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động năm 2019.

2.5. Nội quy lao động của doanh nghiệp chưa quy định trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trường hợp được tạm thời chuyển

người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động là chưa đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa thống kê, phân loại đầy đủ số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (thiếu số lao động trực tiếp sản xuất xi măng) để tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động đúng nhóm theo quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và khoản 5, Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.

2.8. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.9. Thẻ an toàn lao động cấp cho người lao động thuộc nhóm 3 chưa có chữ ký và đóng dấu của doanh nghiệp là chưa đúng quy định tại mẫu số 6 Phụ lục II Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2.10. Cấp, phát bồi dưỡng hiện vật cho người lao động một lần vào cuối tháng là chưa đúng quy định tại Điều 5 Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.11. Chưa lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người lao động là chưa đúng hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng:** không.

**V. Kiến nghị các biện pháp xử lý**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp khắc phục các vi phạm nêu tại phần 2, mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục vi phạm tại điểm 2.2, 2.3 và 2.11 khi có phát sinh.
- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị (kèm các tài liệu chứng minh) về Thanh tra Bộ LĐTBXH, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./P

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Tiến Tùng**